

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thị xã Tân Châu về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thị xã Tân Châu nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Châu An Giang; Số 13/CV-TCAUAG ngày 30 tháng 08 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Tân Châu tại Tờ trình số 1119/TTr-PTNMT ngày 22/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Châu An Giang (sau đây viết tắt là chủ cơ sở), địa chỉ tại khóm Long Thạnh D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Siêu thị Co.opmart Tân Châu An Giang (sau đây viết tắt là cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Châu An Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khóm Long Thạnh D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy đăng chi nhánh hợp tác xã số 0301175691-042 do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 12 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0301175691-042

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích cơ sở 4.555,2 m² tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 35, thuộc khóm Long Thạnh D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Phạm vi thực hiện cơ sở có các tứ cận như sau:

- + Phía Tây giáp đường Tôn Thất Tùng;
- + Phía Đông giáp đường Nguyễn Lương Bằng;
- + Phía Nam giáp đường Trần Quốc Toàn;
- + Phía Bắc giáp đường Nguyễn Du.

- Quy mô dự án: Tổng vốn đầu tư 75.000.000.000 đồng (*Bảy mươi lăm tỷ đồng*), cơ sở thuộc nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư công (theo Khoản 4, Điều 9, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14).

- Công suất của cơ sở: Tổng diện tích dự án đầu tư: 4.555,2 m²; Công suất hoạt động của dự án ước tính khoảng 1.100 người/ngày. Trong đó:

- + Nhân viên: 100 người.
 - + Khách hàng: 1.000 khách/ngày.đêm.
- Quy trình hoạt động tại dự án như sau:

Siêu thị Co.opmart nhập các nguồn nguyên liệu bao gồm các sản phẩm may mặc, thực phẩm,... được lấy từ các nơi trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài, sau đó phân phối cho khách hàng có nhu cầu cần sử dụng.

Quá trình hoạt động, khách hàng có thể mua các hàng hóa là nhu yếu phẩm thường dùng như rau củ, quả, thực phẩm tươi sống, hàng khô, đồ gia dụng khác, hoặc đến siêu thị để ăn uống,...

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Châu An Giang được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Châu An Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 22 tháng 11 năm 2023 đến ngày 22 tháng 11 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Tân Châu, UBND phường Long Thạnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Điều 4. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chủ cơ sở;
- Sở TN&MT tỉnh;
- CT, PCT UBND thị xã;
- CVP HĐND và UBND thị xã;
- Phòng TN và MT;
- UBND phường Long Thạnh;
- Công Thông tin điện tử thị xã;
- Lưu: VT, knh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Văn Nê

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2214/GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của UBND thị xã Tân Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên và khách hàng đến mua sắm;
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình nấu ăn và sơ chế thực phẩm tại khu chế biến.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung 30 m³/ngày.đêm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B) được đầu nối vào cống thoát nước chung của thị xã trên đường Trần Quốc Toàn.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước chung của thị xã trên đường Trần Quốc Toàn thuộc khóm Long Thạnh D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

2.3. Vị trí xả nước thải :

- 01 vị trí xả nước thải tại hố ga thoát nước ra cống thoát nước chung của thị xã trên đường Trần Quốc Toàn thuộc khóm Long Thạnh D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 553612; Y= 1193785 (Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 104⁰45, múi chiếu 3⁰).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày.đêm, tương đương 1,25 m³/giờ.

2.4.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K=1,2) sẽ dùng bơm để bơm lượng nước này chảy về hố ga thoát nước trong khuôn viên siêu thị, sau đó tự chảy xuống cống thoát nước trên đường Trần Quốc Toàn bằng đường ống PVC D90.

- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước: Tự chảy.

2.4.2. Chế độ xả nước thải

- Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày;
- Thời gian xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

- Nước thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	12		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) tính theo N	mg/L	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	12		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) tính theo P)	mg/L	12		
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước:

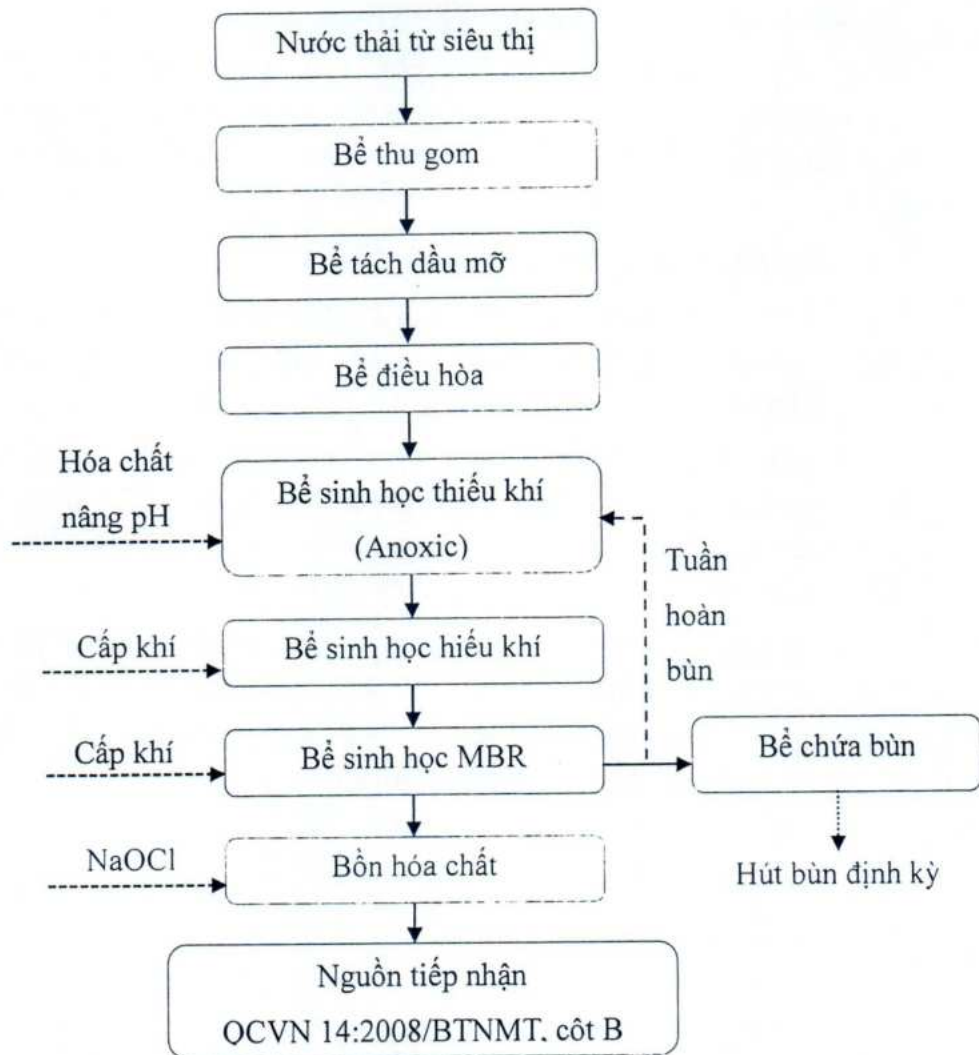
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống HDPE DN50, DN80, DN100 về 01 bể tự hoại 03 ngăn (kích thước DxRxH: 5,4 x 2,9 x 1,95m) để xử lý sơ bộ, sau đó nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở bằng đường ống HDPE DN100.

- Nước thải từ khu vực chế biến thực phẩm được thu gom và xử lý sơ bộ bằng 03 bể tách mỡ (kích thước DxRxH: 2,8 x 0,6 x 2,6 m; 5,2 x 0,6 x 2,6 m; 3,6 x 0,6 x 2,6 m), sau đó nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở bằng đường ống HDPE DN150.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm.
- Hóa chất sử dụng: NaOCl khoảng 0,2 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải:

- Bố trí nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập và ghi sổ nhật ký vận hành, xử lý sự cố;
- Các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải, luôn được bố trí 2 thiết bị, các thiết bị hoạt động luôn phiên. Trong trường hợp các thiết bị bị sự cố không hoạt động thì thiết bị còn lại sẽ tự động hoạt động, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải, luôn được vận hành liên tục trong thời gian sửa chữa hoặc thay mới thiết bị hư hỏng.

- Hệ thống xử lý nước thải là một hệ thống dùng rất nhiều thiết bị điện, động cơ điện, hóa chất do đó bắt buộc công nhân vận hành phải thực hiện nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở thuộc đối tượng không phải thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường (theo điểm h, khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hoàn thành bố trí các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với các nguồn chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung theo quy định.

3.3. Trong quá trình hoạt động, nếu có các vấn đề phát sinh liên quan đến xử lý chất thải, vận hành hệ thống xử lý nước thải hoặc có sự cố bất thường, chủ cơ sở báo cáo kịp thời về UBND phường Long Thạnh, phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã và tổ chức khắc phục theo quy định.

Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2214/GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của UBND thị xã Tân Châu)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại.	08 02 04	Rắn	0,5
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	Rắn	1,0
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	1,5
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	1,0
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	1,3
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	2,0
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	1,0
Tổng				8,3

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Mã chất thải: 12 06 10) khoảng 7,26 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 300kg/ngày.

1.4. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh: khoảng 100 kg/năm, khoảng 8,3 kg/tháng,

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1 *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí 07 thùng chứa rác bằng nhựa HPDE có dung tích 60 lít (Kích thước DxRxH 480x 420x640mm) có nắp đậy kín màu vàng để chứa các loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu lưu chứa chất thải nguy hại

- Kho lưu chứa: 01 kho chứa diện tích $4,7 \text{ m}^2$;

- Thiết kế, kết cấu của kho lưu chứa: Kho chứa được xây dựng kín đáo, có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với chất thải nguy hại; sàn có đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng chất thải nguy hại cao nhất theo tính toán; tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy; Mái và vách che bằng chắn bằng tôn, cửa ra vào riêng, nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định;

- Chủ dự án đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: 01 bể chứa bùn thải bằng bê tông cốt thép, chống thấm với thể tích là $15,912 \text{ m}^3$ kích thước: $3,4 \times 1,8 \times 2,6 \text{ m}$.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải định kỳ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí khoảng 20 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt có dung tích 20 lít (kích thước D $\times$ R $\times$ H: $350 \times 340 \times 440 \text{ mm}$), có nắp đậy dọc theo hành lang sân bãi, khu vực nấu nướng,...

- Chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng như thùng carton, bao PE không nhiễm thành phần nguy hại được thu gom về khu chứa chất thải 9 m^2 và được cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Cuối ngày rác thải sinh hoạt được tập kết khu vực tập kết rác sinh hoạt khoảng $4,7 \text{ m}^2$ (tường xây bằng gạch, mái lợp tôn, nền tráng xi măng). Tại kho bố trí 06 thùng chứa màu xanh có dung tích 240 lít (kích thước D $\times$ R $\times$ H: $750 \times 600 \times 1060 \text{ mm}$), có nắp đậy nhằm tránh ruồi, chuột, gián xâm nhập.

- Rác thải sinh hoạt thu gom, chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định; tần suất thu gom tối thiểu 01 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

Một số biện pháp phòng ngừa khi sử dụng hóa chất hữu hiệu đang áp dụng hiện nay của Cơ sở, cụ thể như sau:

- Trang bị đầy đủ các vật dụng như quần áo, khẩu trang, kính, găng tay, mũ khi tiếp xúc với hóa chất.
- Khi hóa chất rơi vào người, tay thì phải rửa ngay dưới vòi nước sạch. Nếu không may bị hóa chất hóa chất vào mắt, miệng thì cần đến ngay Cơ sở y tế gần nhất để kiểm tra.
- Khi hít phải hóa chất có triệu chứng ho, đau ngực, nhức đầu,... nên đến ngay Cơ sở y tế để bác sĩ kiểm tra.
- Khi lỡ tiếp xúc trực tiếp với Chlorine lỏng dẫn đến bỏng nặng thì ngay lập tức rửa dưới nước sạch trong 15 phút.
- Không sử dụng hóa chất dưới ánh nắng trực tiếp bởi vì sẽ giảm công dụng khử trùng của Clorine.
- Chú ý dùng đúng liều lượng, không nên sử dụng quá liều sẽ gây độc hại, ảnh hưởng tới sức khỏe.
- Bảo quản hóa chất tại nơi khô ráo, thoáng mát, không tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng; Không cất giữ chung các hóa chất khác và tránh để hóa chất nơi ẩm ướt; Tuân thủ đúng hướng dẫn sử dụng; Tránh xa tầm tay trẻ em.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2214/GPMT-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của UBND thị xã Tân Châu)

A. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT CHẤT THẢI

1. Kế hoạch thực hiện chương trình giám sát:

1.1. Thời gian thực hiện: tháng 06 và tháng 12 hàng năm.

1.2. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí nước thải đầu ra đầu ra của hệ thống xử lý nước thải 30 m³/ngày.đêm sau xử lý.

1.3. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k=1,2
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

2. Tần suất lấy mẫu: 02 lần/năm.

Nước thải đầu ra: 01 mẫu đơn x 02 lần = 02 mẫu.

3. Báo cáo giám sát:

Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart Tân Châu An Giang thực hiện báo cáo giám sát định kỳ và gửi về cơ quan cấp phép theo quy định.

B.YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

Cơ sở chủ yếu kinh doanh dịch vụ đa sản phẩm, do đó không có phát sinh bụi, khí thải. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Cơ sở có trang bị máy phát điện dự phòng nhằm phòng ngừa sự cố điện lưới quốc gia cúp, khi vận hành, khí

thải từ máy phát điện có chứa bụi than, SO_2 , NO, CO,... Để giảm thiểu nguồn phát sinh khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, cơ sở đã trang bị một số biện pháp đảm bảo cho môi trường không khí xung quanh cơ sở đạt Quy chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 05:2023/BTNMT, cụ thể như sau:

- Tại ống xả của máy phát điện được lắp đầu giảm thanh, lắng bụi và nối với ống khói. Ống khói được làm bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao. Khí thải máy phát điện được khuếch tán ra môi trường xung quanh qua ống khói cao hơn mái nhà chứa 0,5m.

- Sử dụng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh nằm trong quy chuẩn cho phép ($S < 0,25\%$);

- Đảm bảo cho môi trường không khí xung quanh Cơ sở đạt các Quy chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B), và không làm phát sinh bên ngoài Cơ sở.

C. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ hoạt động của máy phát điện (chu kỳ hoạt động không thường xuyên).

Cơ sở đã bố trí máy phát điện dự phòng tại khu vực riêng biệt, đặt trong phòng cách âm và có lắp đặt đệm chống rung, cách xa khu vui chơi, giải trí, kinh doanh hàng hóa,... không gây ảnh hưởng đến khách hàng cũng như dân cư xung quanh.

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

Giới hạn tối đa cho phép về độ rung

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60